

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v tranh chấp ly hôn

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bà H sinh con đầu lòng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông L không cho bà H đi làm, mọi việc trong gia đình ông L đều tự quyết định mà không tham khảo ý kiến của bà H. Ông L thường hay uống rượu, mỗi lần uống rượu ông L xúc phạm bà H, không quan tâm đến gia đình, vợ con, kiểm soát cuộc sống cá nhân của bà H. Bà H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông L không thay đổi. Nay, bà H nhận thấy tình cảm dành cho ông L không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung : Có hai con chung tên Kim Minh H1, sinh ngày 26/01/2000 và Kim Nữ Thiên B, sinh ngày 7/11/2002. Ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Bà H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai Không có

Ông Kim Minh L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Phương H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà H ổn định cuộc sống và chăm lo cho các con.

Bị đơn ông Kim Minh L vắng mặt không lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Bà Lê Thị Phương H yêu cầu ly hôn với ông Kim Minh L, ông L có nơi cư trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57/99, quyền số 01 ngày 6/10/1999 do Ủy ban nhân dân phường K, quận P, Tp.H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Phương H và ông Kim Minh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn, ông Kim Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của bà Lê Thị Phương H, qua diễn biến tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hạnh phúc gia đình được xây dựng và vun đắp dựa trên tình yêu thương, sự tôn trọng và chia sẻ của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, qua trình bày của bà H thể hiện bà H không còn dành tình cảm cho ông L, giữa bà H và ông L không có sự tôn trọng dành cho nhau, ông L kiểm soát đời sống cá nhân của bà H và tự quyết tất cả mọi vấn đề trong gia đình và đều không thông qua ý kiến của bà H. Ông L không cùng bà H chăm lo cho gia đình và các con, không có sự quan tâm, chia sẻ với bà H. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Ông L không trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển, chăm sóc, giáo dục con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà H và cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ Kim Nữ Thiên B. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông L do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H khai không có

(4) *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Phương H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương H được ly hôn với ông Kim Minh L.

- Về con chung: Giao con chung chưa trưởng thành là Kim Nữ Thiên B, sinh ngày 7/11/2002 cho bà Lê Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Kim Minh L do bà H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà H đã nộp theo biên lai số 0038033 ngày 7/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình

3. Quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Phương H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Kim Minh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân phường K, quận P, Tp.Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Út

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên – Vũ Trung Kiên

Trần Thị H Út

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị H Út